

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban

Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố); việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

b) Các nội dung khác có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- Các **cơ quan, tổ chức có liên quan** và Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Mức phụ cấp đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội), như sau:

1. Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn:

a) Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố hưởng mức phụ cấp bằng 3,06 lần mức lương cơ sở/tháng;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hưởng mức phụ cấp bằng 3,06 lần mức lương cơ sở/tháng;

c) Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố hưởng mức phụ cấp bằng 2,88 lần mức lương cơ sở/tháng.

2. Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố hưởng mức phụ cấp bằng 2,54 lần mức lương cơ sở/tháng;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hưởng mức phụ cấp bằng 2,54 lần mức lương cơ sở/tháng;

c) Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố hưởng mức phụ cấp bằng 2,42 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 3. Việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Cán bộ, công chức, viên chức xã, phường, người hợp đồng lao động ở xã, phường theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, người hợp đồng lao động ở xã, phường theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố cứ giảm 01 người theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm, trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

2. Cán bộ, công chức, viên chức xã, phường, người hợp đồng lao động ở xã, phường theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP, người hợp đồng lao động ở xã, phường theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố cứ giảm 01 người theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này, trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ hưởng một mức hỗ trợ kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 4. Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm: 09 chức danh.

2. Chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

- a) Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố;
- b) Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;
- c) Phó trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố;
- d) Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh;
- đ) Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ;
- e) Bí thư Chi đoàn thanh niên;

- g) Chi hội trưởng Chi hội Nông dân;
- h) Chi hội trưởng Chi hội Người Cao tuổi;
- i) Chi ủy viên.

3. Mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn:

- Hỗ trợ đối với Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố bằng 1,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

- Hỗ trợ đối với Phó trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố bằng 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

- Hỗ trợ đối với Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân và Chi hội trưởng Chi hội Người Cao tuổi bằng 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

- Hỗ trợ đối với Chi ủy viên bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

- Hỗ trợ đối với Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

- Hỗ trợ đối với Phó trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/tháng;

- Hỗ trợ đối với Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân và Chi hội trưởng Chi hội Người Cao tuổi bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

- Hỗ trợ đối với Chi ủy viên bằng 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng.

4. Hỗ trợ đối với người cốt cán (người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số) bằng 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp và kinh phí ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả về Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa **XI**, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- TT HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An